

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2021/HNGĐ-ST

Ngày 12-05-2021

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bình

2. Bà Lê Hoàng Mỹ Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa:
Ông H Thái Thoại - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc S, sinh năm 1975; Thường trú: Số M, đường số M, tổ B, thôn S, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; địa chỉ hiện nay: Tổ H, thôn H, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Ông Nguyễn H, sinh năm 1972; Thường trú: Số M, đường số M, tổ B, thôn S, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Bà S, ông H có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 19/02/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn H có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 03 năm thì năm 1996 tổ chức lễ cưới, đến năm 2004 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 66, quyền số I/2004 ngày 12/6/2004.

Sau khi tổ chức lễ cưới, ông bà sinh sống ở Thành phố Hồ Chí Minh một thời gian, đến năm 2006 thì về tại xã N xây nhà trên đất của cha mẹ bà S cho đẻ sinh sống. Trong thời gian chung sống với nhau, vợ chồng thường xuyên có nhiều

mâu thuẫn do ông H không lo làm ăn chăm lo cho gia đình mà ra ngoài ăn chơi nợ nần, bà S phải bán nhà để trả nợ cho ông H. Năm 2011, vợ chồng về xây dựng căn nhà nhỏ trên đất của cha mẹ ông H tại tổ B, thôn S, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Tuy nhiên, ông H vẫn không lo làm ăn chăm lo gia đình. Năm 2015, bà S không chịu đựng được nên nộp đơn ly hôn tại Tòa án, lúc đó ông H hứa hẹn và viết giấy cam kết sẽ thay đổi nên bà S đồng ý rút đơn khởi kiện để cho ông H 01 cơ hội đoàn tụ. Nhưng rồi ông H vẫn không thay đổi. Tháng 03 năm 2020, bà S mở quán bán nước để trang trải cuộc sống gia đình. Đến tháng 01 năm 2021, bà S có cho nhiều người số điện thoại của bà để họ đặt nước, nên có nhiều số điện thoại lạ hay gọi vào điện thoại bà. Có lần, ông H nghe 01 cuộc gọi đến trong điện thoại bà S rồi ghen tuông vô cớ, đánh đập bà S nhiều lần. Bà S có giải thích là bà không biết số điện thoại đó nhưng ông H không tin. Bà S cảm thấy vợ chồng thì phải chăm sóc, chia sẻ, thương yêu, tin tưởng nhau nhưng ông H không làm được điều đó, trước đây, bà S cũng đã cho ông H 01 cơ hội để sửa đổi nhưng nay ông H vẫn vậy. Từ lúc nộp đơn ly hôn đến đầu tháng 3/2021, vợ chồng sống cùng nhà nhưng ly thân, sau đó, bà S về nhà mẹ ruột ở cho đến nay. Vì vậy, nay bà S xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà S yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Quốc T, sinh ngày 13/5/2004. Tại đơn khởi kiện, bà Nguyễn Thị Ngọc S đồng ý giao con cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, bà S không cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, ngày 12/4/2021, bà S có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tranh chấp về nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà S tự nguyện chịu án phí ly hôn.

- Tại bản tự khai ngày 08/3/2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Ngọc S tìm hiểu nhau trong thời gian khoảng 02 năm thì tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận nhưng vào năm nào ông H không nhớ rõ.

Sau khi tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn, vợ chồng sinh sống ở nhà cha mẹ ruột của ông H tại tổ B, thôn S, xã N được 01 thời gian thì mua đất xây nhà ở kế bên nhà mẹ bà S, sau đó vợ chồng bán nhà đất này về sinh sống tại căn nhà của cha mẹ ruột ông H. Vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến khoảng năm 2015, bà S nộp đơn ly hôn tại tòa án với lý do vợ chồng mâu thuẫn, cãi vã những vấn đề nhỏ trong cuộc sống. Tòa án đã hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ nên bà S rút đơn. Sau đó, vợ chồng không cãi nhau nữa. Vào khoảng tháng 01/2021, ông H thấy có 01 số điện thoại lạ hay gọi vào điện thoại bà S, hỏi thì bà S nói là bạn gọi nhưng ông H không tin mà hỏi nếu là bạn sao không nghe điện thoại mà tắt đi, ông H yêu cầu kiểm tra điện thoại nhưng bà S không cho, vì lý do đó mà vợ chồng mâu thuẫn, bà S đập điện thoại. Ông H có la mắng bà S, bà S cãi lại nên ông có tát bà S 01 cái. Ngày hôm sau bà S xếp quần áo đòi về nhà mẹ đẻ sinh sống nhưng rồi bà S không đi. Từ lúc bà S nộp đơn ly hôn đến đầu tháng 3/2021, vợ chồng vẫn sống cùng nhà

nhưng ly thân, sau đó, bà S dọn đồ ra khỏi nhà đi đâu ở đâu ông H không biết, ông có đến nhà mẹ bà S để nói bà S quay về nhưng bà S không đồng ý quay về. Từ đó đến nay vợ chồng không có mâu thuẫn nào khác. Trong quá trình tố tụng, ông H nhận thấy bản thân còn yêu thương bà S nên không đồng ý với yêu cầu được ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc S. Tuy nhiên, tại phiên tòa, trong phần tranh tụng, ông H đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của bà S.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Quốc T, năm nay học lớp 11. Hiện nay con đang sống cùng ông H. Vì ông H không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu giải quyết về con chung. Bà S đã rút yêu cầu giải quyết tranh chấp về nuôi con thì ông H không có ý kiến gì.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 19/3/2021, Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng trong quá trình chung sống giữa bà Nguyễn Thị Ngọc S và ông Nguyễn H tại địa phương và được cung cấp: Bà S và ông H là vợ chồng, sau khi cưới có sinh sống và làm nhà ở riêng tại địa chỉ tổ B, thôn S, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Bà S buôn bán nước giải khát tại thôn H, xã N, ông H làm nghề mua bán cây. Quá trình sinh sống tại địa phương, vợ chồng bà S và ông H không có mâu thuẫn gì để địa phương can thiệp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng có mâu thuẫn hay không thì địa phương không rõ. Tuy nhiên, vợ chồng vẫn đi làm, sinh sống chung nhà, không nghe thông tin gì về việc vợ chồng bà S khởi kiện ly hôn. Quá trình sinh sống tại địa phương, bà S và ông H chấp hành tốt pháp luật, không có vi phạm gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Thấy rằng năm 2004, bà S, ông H kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N. Năm 2015, bà S đã từng nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhưng rút đơn khởi kiện để cho ông H 01 cơ hội đoàn tụ. Nay, bà S tiếp tục nộp đơn yêu cầu được ly hôn và vợ chồng đã ly thân 01 thời gian, hiện nay bà S đã về nhà mẹ ruột sinh sống, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, bà S yêu cầu ly hôn, ông H cũng đồng ý, do đó cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà S; Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Quốc T, sinh ngày 13/5/2004; Ngày 12/4/2021 bà Nguyễn Thị Ngọc S rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tranh chấp về nuôi con, vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc S và ông Nguyễn H có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 03 năm thì tổ chức lễ cưới vào năm 1996, sau đó đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận và đã được cấp giấy Chứng nhận kết hôn số 66, quyển số I/2004 ngày 12/6/2004, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[2] Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Căn cứ vào lời khai của bà S và ông H, thì vào năm 2015 bà S đã từng nộp đơn khởi kiện ly hôn đối với ông H tại Tòa án vì vợ chồng có mâu thuẫn, nhưng sau đó rút yêu cầu khởi kiện để vợ chồng có cơ hội đoàn tụ và thay đổi. Tuy nhiên đầu năm 2021, vợ chồng ông bà lại có mâu thuẫn từ việc có số điện thoại lạ gọi vào điện thoại của bà S, bà S nói không biết số điện thoại của ai làm ông H nghi ngờ rồi dẫn đến vợ chồng cãi vã, từ đó bà S, ông H tuy sống cùng nhà nhưng ly thân nhau. Đến tháng 3 năm 2021, bà S về nhà mẹ ruột sinh sống cho đến nay, vợ chồng từ đó không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Ông H trình bày còn yêu thương vợ nên có đến nhà mẹ ruột bà S để nói chuyện, mục đích để bà S quay về nhưng bà S không đồng ý, dù để nhận thấy bà S không còn mong muốn quay lại cuộc sống vợ chồng cùng ông H. Tại phiên tòa, trong phần tranh tụng, bà S yêu cầu được ly hôn, ông H cũng đồng ý nên có căn cứ công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự. Xét thấy, sự thuận tình ly hôn của đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử công nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Quốc T, sinh ngày 13/5/2004. Tại đơn khởi kiện, bà Nguyễn Thị Ngọc S đồng ý giao con cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, bà S không cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, ngày 12/4/2021, bà S có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tranh chấp về nuôi con. Do đó, Tòa án đình chỉ đối với yêu cầu này là đúng quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp ly hôn và đình chỉ đối với yêu cầu tranh chấp về nuôi con của bà Nguyễn Thị Ngọc S đối với ông Nguyễn H. Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc S tự nguyện chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 217, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 51, 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc S đối với ông Nguyễn H về việc ly hôn.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Ngọc S và ông Nguyễn H.

2.2. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc S đối với ông Nguyễn H về tranh chấp nuôi con.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005220 ngày 25/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Bà Nguyễn Thị Ngọc S đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án về phần tranh chấp nuôi con trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND xã N, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Mỹ Dung